TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 463/2022/DS-PT
Ngày: 15 - 7 - 2022

V/v "*Tranh chấp di sản thừa kế; đòi lại tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán, yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên**.**

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế; đòi lại tài sản; yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán; yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản*"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 627/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê Như P, sinh năm: 1974; cư trú tại thôn Đồng T, xã Lạc X, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên lạc: Số 11A, đường T, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông P: Bà Nguyễn Như Ngọc Q, sinh năm 1983; địa chỉ: số 36, tầng 3, Block B1, khu căn hộ H , đường Lê Văn L, tổ 2, ấp 3, xã K, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P: Ông Nguyễn Uy D- Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng, (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Như H, sinh năm: 1954; địa chỉ: 2141, V, D, CA 92139, Hoa Kỳ, (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Như Quang T, sinh năm: 1979, bà Đường Minh T, sinh năm: 1983; cư trú tại số 328, đường Hai Bà T, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/02/2020 được Tổng Lãnh sự quán tại Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ xác nhận ngày 19/3/2020, chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 257-03/HPHLS ngày 19/3/2020), (Ông T, bà T vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1940; địa chỉ: 6568 B, S, CA 92139, Hoa Kỳ, vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Như M (Nguyen Manh N), sinh năm: 1948; địa chỉ: 6568 B, S, CA 92139, Hoa Kỳ, vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Như C, sinh năm: 1957; địa chỉ: 412 San Alberto W, San Diego, CA 92114, Hoa Kỳ, địa chỉ liên lạc: số 328 (số cũ 114), đường H, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, vắng mặt.

4/ Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1966; địa chỉ: 355 L, San Diego, CA 92114, Hoa Kỳ, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Bích, ông Mạnh, ông Cường, bà Thúy: ông Nguyễn Như Quang T, sinh năm: 1979, bà Đường Minh T, sinh năm: 1983; cư trú tại số 328, đường Hai Bà T, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/02/2020 được Tổng Lãnh sự quán tại Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ xác nhận ngày 19/3/2020, chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 257-03/HPHLS ngày 19/3/2020), vắng mặt.

5/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1944. Địa chỉ: 422, El, San Diego, CA 92114, Hoa Kỳ, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Thủy: Ông Nguyễn Lê Như P, sinh năm: 1974; cư trú tại số 10, thôn Đồng T, xã Lạc X, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2021 được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 66-04/HPHLS ngày 08/4/2021), vắng mặt.

6/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1962. Địa chỉ: 6791, Cielo Dr, San D, CA 92114, Hoa Kỳ, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Thanh: Ông Nguyễn Lê Như P, sinh năm: 1974; cư trú tại số 10, thôn Đồng T, xã Lạc X, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2021

được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 67-04/HPHLS ngày 08/4/2021), vắng mặt.

7/ Ông Nguyễn Như N, sinh năm: 1960, vắng mặt. Địa chỉ: 1873, Ridgewood Dr San D, CA 92114, Hoa Kỳ, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Nghĩa: Ông Nguyễn Lê Như P, sinh năm: 1974; cư trú tại số 10, thôn Đồng T, xã Lạc X, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2021 được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco chứng nhận số 68-04/HPHLS ngày 08/4/2021), vắng mặt.

8/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1951; cư trú tại số 110, đường T, phường C, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Như Quang T, sinh năm: 1979; cư trú tại số 328, đường Hai Bà T, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 0312, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đắk Lắk chứng nhận ngày 08/01/2021), vắng mặt.

9/ Bà Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1970; cư trú tại số 79/36/22, đường Bùi Quang Là, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lê Như P, sinh năm: 1974; cư trú tại số 10, thôn Đồng T, xã Lạc X, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 02122, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 03/3/2021), vắng mặt.

10/ Bà Nguyễn Như Ngọc H, sinh năm: 1976; địa chỉ: 13122 A, apt.B, Garden Grove, CA 92843, Hoa Kỳ, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lê Như P, sinh năm: 1974; cư trú tại số 10, thôn Đồng T, xã Lạc X, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2021 được Đại sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hòa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 766/HPH/2021 ngày 15/4/2021), vắng mặt.

11/ Bà Nguyễn Như Ngọc T, sinh năm: 1979; cư trú tại số 179, đường T, khu phố 3C, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lê Như P, sinh năm: 1974; cư trú tại số 10, thôn Đồng T, xã Lạc X, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 02121, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 03/3/2021), vắng mặt.

12/ Ông Nguyễn Lê Như S, sinh năm: 1981; thường trú tại: thôn Đồng T, xã Lạc X, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Địa chỉ liên lạc: số 197/42/52/2, đường L, phường L, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lê Như P, sinh năm: 1974; cư trú tại số 10, thôn Đồng T, xã Lạc X, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 02120, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 03/3/2021), vắng mặt.

13/ Bà Nguyễn Như Ngọc Q, sinh năm: 1983; cư trú tại số 36, tầng 3, Block B1, khu căn hộ H , đường Lê Văn L, tổ 2, ấp 3, xã K, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, có mặt.

14/ Ông Nguyễn Lê Như T, sinh năm: 1988; địa chỉ: 6568 B, S, CA 92139, Hoa Kỳ, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lê Như P, sinh năm: 1974; cư trú tại số 10, thôn Đồng T, xã Lạc X, huyện Đơn D, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2021 được Đại sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hòa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 766/HPH/2021 ngày 15/4/2021), vắng mặt.

15/ Vợ chồng ông Nguyễn Như Quang T, sinh năm: 1979, bà Đường Minh T, sinh năm: 1983, vắng mặt.

16/ Anh Nguyễn Như Quang T, sinh năm: 2007, vắng mặt.

17/ Anh Nguyễn Như Quang T, sinh năm: 2008, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Thịnh và anh Tiến: Vợ chồng ông Nguyễn Như Quang T, sinh năm: 1979, bà Đường Minh T, sinh năm: 1983 (là cha, mẹ).

Cùng cư trú tại số 328, đường T, Phường 6, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Vợ chồng ông T, bà T , vắng mặt.

18/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1946; cư trú tại số 110, đường T, phường C, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Nguyễn Như Quang T, sinh năm: 1979; cư trú tại số 328, đường Hai Bà T, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 000517, quyển số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đắk Lắk chứng nhận ngày 05/4/2021), vắng mặt.

19/ Ông Nguyễn Huy V, sinh năm: 1972; cư trú tại số 110, đường T, phường C, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam, vắng mặt.

22/ Ông Nguyễn Huy P, sinh năm: 1973; cư trú tại tổ dân phố 6B, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam, vắng mặt.

23/ Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm: 1974; cư trú tại số 285, đường D, phường T, thành phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông V, ông P, bà V: Ông Nguyễn Như Quang T, sinh năm: 1979; cư trú tại số 328, đường Hai Bà T, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 004471, quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đắk Lắk chứng nhận ngày 04/6/2021), vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Lê Như P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2019, lời trình bày trong quá trình tố tụng Ông Nguyễn Lê Như P trình bày*:

Ông là một trong bảy người con của ông Nguyễn Như A, sinh năm 1946, bà Nguyễn Thị M (chết năm 2013), vợ chồng ông A, bà M có các con chung gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Như Q, Nguyễn Như Ngọc H, Nguyễn Như Ngọc T, Nguyễn Lê Như S, Nguyễn Như Ngọc Q, Nguyễn Lê Như T và ông.

Ông Nguyễn Như A là một trong mười hai người con của vợ chồng cụ Nguyễn Như V, cụ Bùi Thị T, những người con khác của cụ V và cụ T là các ông, bà: Nguyễn Như A (chết), Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Như M, Nguyễn Thị T, Nguyễn Như H, Nguyễn Như C, Nguyễn Như N, Nguyễn Như D (chết khi chưa có vợ, con), Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mộng T, Nguyễn Thị H (chết năm 1991), có chồng là Ông Nguyễn Văn H và có 03 con là Ông Nguyễn Huy V, Ông Nguyễn Huy P và Bà Nguyễn Thị Hồng V.

Năm 1975 cụ T chết, ngày 07/9/1990 cụ V chết không để lại di chúc, di sản ông, bà nội của ông để lại là căn nhà và Quyền sử dụng diện tích đất tọa lạc tại số 328 (114 cũ), đường T, Phường 6, thành phố L theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà đất số 5723/NĐ/XD ngày 15/11/1989. Sau khi cụ V và cụ T mất, di sản thừa kế chưa được chia cho ai, hiện nay đang do ông H nắm giữ giấy tờ và giao cho con trai là Nguyễn Như Quang T quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích nhà và Quyền sử dụng đất.

Do đó ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của cụ V, cụ T để lại đối với khối tài sản nói trên cho các đồng thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ V, cụ T.

Ông P rút yêu cầu khởi kiện đối với việc đề nghị chia di sản thừa kế là 02 căn nhà trên đất. Yêu cầu chia thừa kế đối với toàn bộ giá trị diện tích Quyền sử dụng đất

theo kết quả đo vẽ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ. Riêng kỷ phần của cha ông là ông Nguyễn Như A, ông xin được nhận tương ứng với kỷ phần mà ông được hưởng của cha, mẹ; các phần còn lại ông xin đại diện cho các anh em trong gia đình được nhận kỷ phần bằng giá trị.

- Theo đơn phản tố ngày 20/01/2020, văn bản trình bày của Ông Nguyễn Như H, lời trình bày trong quá trình tố tụng của ông Nguyễn Như Quang T là người đại diện theo ủy quyền của ông H thống nhất trình bày:

Ông H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng cụ V, cụ T cũng như thừa kế của ông Nguyễn Như A, bà Nguyễn Thị H.

Đối với di sản thừa kế do cụ V và cụ T để lại thì: Nguồn gốc nhà và Quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 328 (114 cũ), đường T, Phường 6, thành phố L do cha mẹ ông H là cụ Nguyễn Như V (sinh năm 1912, chết năm 1990), cụ Bùi Thị T (sinh năm 1922, chết năm 1975) tạo lập nên. Hiện trạng trên đất có nhà trần ván, mái tôn. Năm 1978 cụ V, cụ T có kê khai đăng ký nhà cửa, có biên bản xác nhận của tổ dân phố và được Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Đà Lạt chứng thực. Năm 1989 cụ V, cụ T được cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà đất số 5723NĐ/XD Q33 do Sở Xây dựng Lâm Đồng cấp ngày 15/11/1989, hiện trạng căn nhà theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà đất là nhà cấp 4, diện tích 104,48m^2, sử dụng 90m^2.

Từ năm 1972 cụ V, cụ T sống cùng 02 người con là ông H và ông C, đồng thời là nơi thờ cúng tổ tiên tại căn nhà nói trên. Năm 1975 cụ T chết, năm 1990 cụ V chết, cả hai đều không để lại di chúc. Sau khi cụ V, cụ T mất các ông vẫn sống trong căn nhà và trông coi, quản lý, thờ cúng cha mẹ, tổ tiên.

Năm 2002 do căn nhà xuống cấp nên ông H và ông C tự bỏ tiền xây dựng lại căn nhà, tổng số tiền xây dựng là 940.000.000đ. Ngoài ra quá trình sinh sống ông H và ông C đã bỏ tiền ra để đóng thuế, phí liên quan đến nhà, Quyền sử dụng đất nói trên, thuế đất từ năm 1990 đến năm 2011 là 7.673.400đ, năm 2009 ông H qua định cư tại Hoa Kỳ, năm 2011 ông Cường qua Hoa Kỳ. Sau đó ông H và ông C đã giao lại toàn bộ diện tích nhà đất này cho ông tiếp tục trông coi, quản lý cho đến nay, ông T đã đóng thuế nhà đất từ năm 2012 cho đến nay.

Do đó ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nhà, Quyền sử dụng đất nói trên do cha mẹ ông H, ông Cường để lại làm nơi thờ phụng ông, bà. Trường hợp Tòa án tiến hành thủ tục phân chia thừa kế thì ông H yêu cầu:

+ Công nhận và cấn trừ số tiền của ông H và ông C đã bỏ ra để xây dựng, sửa chữa, đóng thuế, tổng cộng 940.000.000đ, tiền thuế từ năm 1990-2011 trừ vào giá trị của căn nhà nêu trên trước khi phân chia di sản thừa kế.

+ Công nhận cho ông T được hưởng một phần giá trị tài sản trong phần tài sản thừa kế vì đã có công sức chăm sóc nhà cửa, đất đai, thờ cúng ông, bà từ trước đến nay.

+ Đồng ý chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 164m^2, phần đất có diện tích 63,1m^2 phía sau là của bà Thúy nên không đồng ý chia.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 08/01/2020 của Ông Nguyễn Như C, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của ông Nguyễn Như Quang T, người đại diện theo ủy quyền của ông Cường, thì:

Về hàng thừa kế và tài sản tranh chấp ông thống nhất ý kiến với Ông Nguyễn Như H.

Ông Cường không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế vì toàn bộ tại sản tọa lạc tại số 328, đường T, Phường 6, thành phố L do cha mẹ ông là cụ V, cụ T để lại nhằm để làm nơi thờ phụng ông, bà tổ tiên.

Trong trường hợp Tòa án tiến hành chia thừa kế thì ông Cường yêu cầu:

+ Công nhận và cấn trừ số tiền của ông Cường đã cùng với ông H bỏ ra để xây dựng, sửa chữa, đóng thuế tổng cộng là 940.000.000đ, tiền thuế từ năm 1990-2011 là 7.673.400đ.

+ Công nhận cho ông T được hưởng một phần giá trị tài sản trong phần tài sản thừa kế vì đã có công sức chăm sóc nhà cửa, đất đai, thờ cúng ông, bà từ trước đến nay.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 03/5/2021, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của ông Nguyễn Như Quang T thì: Ông thống nhất với lời trình bày của ông H và ông C về hàng thừa kế và di sản của ông, bà nội để lại, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế thì ông yêu cầu Tòa án xem xét công sức bảo quản, trong coi nhà cửa, thờ cúng ông bà trong thời gian ông sinh sống tại căn nhà đang tranh chấp. Năm 2011 ông H và ông C qua Mỹ định cư, đã giao lại toàn bộ diện tích nhà và đất nói trên cho ông quản lý, sử dụng và ông đã đóng thuế nhà đất từ năm 2012 đến nay là 2.923.200đ.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 05/5/2021 của bà Nguyễn Thị Mộng T và lời trình bày của đại diện hộp pháp của bà Thúy trong quá trình tố tụng có nội dung:

Căn nhà tọa lạc trên lô đất có diện tích 60m^2 (đo thực tế là 63,1m^2) tọa lạc tại phía sau nhà số 328, đường T, Phường 6, thành phố L, có nguồn gốc là do bà Thúy khai phá và tạo dựng nên. Hiện trạng trước khi xây nhà là một vũng đầm

lầy bỏ hoang nằm phía sau căn nhà của cụ V (xây dựng từ năm 1972), thời điểm năm 1982 bà Thúy ở cùng với cụ V và ông H, ông Cường. Vì vùng đầm lầy này nằm sát bờ suối đường Phan Đình Phùng, đất trũng ngập nước, bà Thúy khai phá và xây nhà trên đất. Sau khi đổ đất và xây nhà xong, bà Thúy đã yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Lạt đo vẽ hiện trạng để đăng ký chuyển đổi mục đích đất xây dựng để làm Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng do diện tích đất không đủ điều kiện để làm đất xây dựng nên bà Thúy vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Nay bà Thúy có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết công nhận diện tích đất 65m^2 (đo đạc thực tế là 63m^2) là của bà, vì đây không phải là di sản thừa kế do cụ T và cụ V.

- Các đương sự: Bà Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Như N, Bà Nguyễn Thị Như Q, Bà Nguyễn Như Ngọc T, Ông Nguyễn Lê Như S, Bà Nguyễn Như Ngọc Q, Bà Nguyễn Như Ngọc H, Ông Nguyễn Lê Như T do Ông Nguyễn Lê Như P đại diện đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

- Các đương sự: Bà Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Mộng T, Ông Nguyễn Văn H, Ông Nguyễn Huy P, Ông Nguyễn Huy V, ông Nguyễn Thị Hồng Vy do ông Nguyễn Như Quang T đại diện đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Bà Đường Minh T thống nhất ý kiến với ông T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 22/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 20/2021/QĐ-SCBSBA ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

- Căn cứ các khoản 2, 5, 14 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, các Điều 157, 161, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 679, 688 Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 116, 117, 123, 457, 459 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các khoản 4, 5, 6 Điều 26, các điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Lê Như P về việc không yêu cầu chia giá trị hai căn nhà trên đất. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu này.

Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án của đương sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích 34m^2 đất của bà Thúy.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Lê Như P về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế" đối với Ông Nguyễn Như H.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của Ông Nguyễn Như H và Ông Nguyễn Như C về việc "Kiện đòi tài sản".

+ Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Như Quang T về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán".

+ Chấp nhận yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Mộng T về việc "Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản".

Tuyên xử:

1. Xác định lô đất có diện tích 107,48m^2 theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà đất số 5723/NĐ/XD do Sở xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/1989 cho cụ Nguyễn Như V, cụ Bùi Thị T; theo kết quả đo vẽ thực tế là 164m^2, trong đó có 18m^2 đất thuộc lộ giới đường T, Phường 6, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng (vị trí số 02 trên họa đồ), thuộc thửa 15, tờ bản đồ 15 tọa lạc tại số 328 (114 cũ), đường T, Phường 6, thành phố L là di sản thừa kế của cụ V, cụ T để lại, có giá trị là 22.256.011.900đ.

2. Xác định hàng thừa kế:

2.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Thị T là: cụ Nguyễn Như V, Bà Nguyễn Thị B, Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Như M, Bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Như H, Ông Nguyễn Như C, Ông Nguyễn Như N, Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Như A, bà Nguyễn Thị H.

2.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Như V là: Bà Nguyễn Thị B, Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Như M, Bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Như H, Ông Nguyễn Như C, Ông Nguyễn Như N, Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Như A, bà Nguyễn Thị H.

2.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị H là: Ông Nguyễn Văn H, Ông Nguyễn Huy P, Ông Nguyễn Huy V, Bà Nguyễn Thị Hồng V.

2.4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Như A là: bà Nguyễn Thị Muộn, Bà Nguyễn Thị Như Q, Ông Nguyễn Lê Như P, Bà Nguyễn Như Ngọc

H, Bà Nguyễn Như Ngọc T, Ông Nguyễn Lê Như S, Bà Nguyễn Như Ngọc Q, Ông Nguyễn Lê Như T.

2.5. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị M là: Bà Nguyễn Thị Như Q, Ông Nguyễn Lê Như P, Bà Nguyễn Như Ngọc H, Bà Nguyễn Như Ngọc T, Ông Nguyễn Lê Như S, Bà Nguyễn Như Ngọc Q, Ông Nguyễn Lê Như T.

3. Xác định giá trị của một kỷ phần mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ V, cụ T lẽ ra được hưởng là: 2.023.273.809đ.

Xác định ½ giá trị kỷ phần thừa kế mà ông T được hưởng là 1.011.636.900đ.

Xác định giá trị di sản còn lại để chia là 21.244.375.000đ.

Xác định giá trị của một kỷ phần mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ V, cụ T được hưởng là 1.931.306.800đ.

Xác định của một kỷ phần mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng ông P, bà Muộn được hưởng là 275.900.900đ.

4. Ông Nguyễn Lê Như P được nhận một kỷ phần thừa kế được hưởng của vợ chồng ông A, bà M là 275.900.900đ.

5. Ông Nguyễn Như Quang T được quyền sử dụng lô đất có diện tích 146m^2 thuộc thửa 15, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại số 328 (114 cũ), đường T, Phường 6, thành phố L và quản lý, sở hữu, sử dụng căn nhà có diện tích 102,5m^2, diện tích sử dụng là 322,2m^2 tọa lạc trên lô đất này theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà đất số 5723/NĐ/XD do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/1989 cho cụ Nguyễn Như V, cụ Bùi Thị T tại số 328 (114 cũ), đường T, Phường 6, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng (thuộc vị trí số 1 và số 2 trên họa đồ).

Tạm giao cho ông Nguyễn Như Quang T quản lý, sử dụng lô đất thuộc lộ giới giáp đường Hai Bà Trưng có diện tích 18m^2 (thuộc vị trí số 1, số 2 trên họa đồ), thuộc thửa 15, tờ bản đồ , tọa lạc tại số 328 (114 cũ), đường T, Phường 6, thành phố L; khi nhà nước có chủ trương thu hồi thì phải thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.

Ông Nguyễn Như Quang T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động, kê khai, cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà, Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất toàn bộ lô đất có diện tích 146m^2 thuộc một phần thửa 15, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại đường T, Phường 6, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng nói trên.

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ thực hiện ngày 21/01/2021, chỉnh sửa ngày 26/8/2021, kèm theo, phần ký hiệu số 1 và số 2).

6. Buộc ông Nguyễn Như Quang T có trách nhiệm thanh toán cho ông P số tiền 275.900.900đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm nghìn chín trăm đồng).

7. Tạm giao cho Ông Nguyễn Lê Như P quản lý kỷ phần thừa kế của Bà Nguyễn Thị Như Q, Bà Nguyễn Như Ngọc H, Bà Nguyễn Như Ngọc T, Ông Nguyễn Lê Như S, Bà Nguyễn Như Ngọc Q, Ông Nguyễn Lê Như T ông V Văn Lý, ông V Văn Công, ông V Đức Minh, bà Vũ Kim Thủy, bà Vũ Thị Thảo Linh, bà Vũ Thị Ánh Phượng; mỗi kỷ phần thừa kế là 275.900.900đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm nghìn chín trăm đồng). Khi các đồng thừa kế này có đơn khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Như Quang T có trách nhiệm giao cho Ông Nguyễn Lê Như P số tiền 1.655.405.900đ (một tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm lẻ năm nghìn chín trăm đồng) mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng ông A, bà M được hưởng (mỗi kỷ phần là 275.900.900đ) để ông P quản lý.

8. Tạm giao cho ông Nguyễn Như Quang T quản lý kỷ phần thừa kế của Bà Nguyễn Thị B, Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Như M, Bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Như H, Ông Nguyễn Như C, Ông Nguyễn Như N, Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Mộng T, mỗi kỷ phần thừa kế là 1.931.306.800đ (một tỷ chín trăm ba mươi mốt triệu ba trăm lẻ sáu nghìn tám trăm đồng). Khi các đồng thừa kế này có đơn khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

9. Buộc ông Nguyễn Như Quang T có trách nhiệm thanh toán Ông Nguyễn Như H và Ông Nguyễn Như C mỗi người là 435.164.383đ (bốn trăm ba mươi lăm triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

10. Bà Nguyễn Thị Mộng T được quyền sử dụng lô đất có diện tích 29,1m^2 (phần đất bao quanh căn nhà của bà Thúy). Việc đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà, Quyền sử dụng đất của bà Thúy được thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ thực hiện ngày 21/01/2021, chỉnh sửa ngày 26/8/2021, kèm theo, phần ký hiệu số 3).

11. Về chi phí tố tụng: Buộc Ông Nguyễn Lê Như P, Ông Nguyễn Như H, Ông Nguyễn Như C, ông Nguyễn Như Quang T mỗi người phải chịu 15.146.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản.

Buộc Ông Nguyễn Như H, Ông Nguyễn Như C, ông Nguyễn Như Quang T mỗi người phải thanh toán cho Ông Nguyễn Lê Như P số tiền 15.146.000đ (mười lăm triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

12. Về án phí:

Ông Nguyễn Lê Như P phải chịu 12.672.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền 36.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005114 ngày 11/11/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông P được nhận lại số tiền 23.328.000đ án phí còn thừa.

Ông Nguyễn Như Quang T phải chịu 77.328.500đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền 12.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006770 ngày 01/6/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông T còn phải nộp 65.328.500đ.

Ông Nguyễn Như H phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 11.400.000đ tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/00054264 ngày 08/02/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông H được nhận lại số tiền 11.100.000đ án phí còn thừa.

Ông Nguyễn Như C phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 11.400.000đ tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005426 ngày 23/2/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông H được nhận lại số tiền 11.100.000đ án phí còn thừa.

Bà Nguyễn Thị Mộng T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà Thúy được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006786 ngày 17/6/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 30/9/2021, Ông P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và tại đơn yêu cầu đề ngày 24/6/2022 ông P cho rằng: Phần đất 63,1m^2 liên quan đến yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mộng T là di sản của ông V, bà T, trước kia khi bà Thúy lấy chồng thì ông V, bà T tạm thời cho vợ chồng bà Thúy sử dụng một phần diện tích đất này. Tòa sơ thẩm xác định công sức tôn tạo, giữ gìn tài sản của ông T chưa đúng; ông N, bà T, bà T ủy quyền cho ông P giải quyết cả giai đoạn xét xử và thi hành án nhưng cấp sơ thẩm không tuyên giao cho ông P được đại diện nhận và quản lý kỷ phần của những người này mà lại giao cho ông T quản lý, đồng thời tuyên những người này khi có đơn khởi kiện thì được giải quyết bằng vụ án khác là không đúng, không thể thi hành án cho họ được. Đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P, giao kỷ phần thừa kế của ông N, bà T, bà T và kỷ phần thừa kế các anh em của ông P gồm Nguyễn Thị Như Q, Bà Nguyễn Như Ngọc H, Bà Nguyễn Như Ngọc T, Ông Nguyễn Lê Như S, Bà Nguyễn Như Ngọc Q, Ông Nguyễn Lê Như T cho ông P được đại diện nhận và quản lý.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Q đại diện cho Ông Nguyễn Lê Như P xác định cụ thể yêu cầu kháng cáo như sau: Ông P rút yêu cầu kháng cáo về yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất 63,1m^2 liên quan đến yêu cầu độc lập của bà Nguyễn

Thị Mộng T và rút yêu cầu kháng cáo về yêu cầu xem xét lại công sức tôn tạo, giữ gìn tài sản của ông T. Ông P chỉ kháng cáo yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T và cụ V đối với diện tích theo kết quả đo vẽ thực tế là 164m^2 thuộc thửa 15, tờ bản đồ 15 tọa lạc tại số 328 (114 cũ), đường T, Phường 6, thành phố L và yêu cầu giao cho ông P nhận và quản lý trị giá kỷ phần di sản của ông N, bà T, bà T, ngoài ra không kháng cáo các nội dung khác của án sơ thẩm. Như vậy ông P chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, bà Q và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông P trình bày: Các ông bà gồm: Ông N, bà T, bà T do những người này ủy quyền cho ông P đại diện nhận tiền thi hành án cho họ, do đó ông P phải được nhận và quản lý kỷ phần thừa kế của ông N, bà T, bà T. Cấp sơ giao cho ông T quản lý kỷ phần thừa kế của những người này là không đúng yêu cầu của họ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Cấp phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng các quy định về tố tụng, không vi phạm tố tụng

Về nội dung kháng cáo: Ông P chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Trong đơn kháng cáo và đơn yêu cầu đề ngày 24/6/2022, ông P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu xem xét các nội dung sau:

- Ông P cho rằng phần đất 63,1m^2 tại lô ký hiệu 3 theo sơ đồ vị trí, liên quan đến yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mộng T là di sản của ông V, bà T và yêu cầu chia thừa kế.

- Đề nghị xem xét tính lại công sức quản lý, gìn giữ di sản đối với ông T.

- Yêu cầu giao cho ông P quản lý kỷ phần tài sản của các thừa kế là ông Nghĩa, bà Thủy, bà Thanh.

Các nội dung khác của án sơ thẩm ông P xác nhận không kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Q đại diện hợp pháp của ông P trình bày ông P rút một phần yêu cầu kháng cáo về yêu cầu chia thừa kế phần đất 63,1m^2 tại lô ký hiệu 3 theo sơ đồ vị trí, liên quan đến yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mộng T và rút yêu cầu kháng cáo về đề nghị tính lại công sức quản lý, gìn giữ di sản đối với ông T, chỉ kháng cáo yêu cầu giao cho ông P quản lý giá trị kỷ phần của các thừa kế là ông Nghĩa, bà Thủy, bà Thanh.

Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu kháng cáo của ông P đã được rút.

[2]- Xét việc chia di sản thừa kế của ông V, bà T thì thấy:

Một số thừa kế mặc dù không có đơn yêu cầu độc lập nhưng không khước từ di sản thừa kế mà đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật nên khi giao di sản là nhà đất là toàn bộ di sản cho ông T được quyền sở hữu, sử dụng thì phải chia thừa kế bằng giá trị theo kỷ phần cho các thừa kế không có yêu cầu độc lập là các thừa kế của cụ V và cụ T, mỗi thừa kế được hưởng giá trị di sản (sau khi trừ công sức quản lý di sản cho ông T) là: 1.931.306.800đ. Cụ thể, trong vụ án, các thừa kế của bà Nguyễn Thị H là ông H, Ông Nguyễn Huy P, ông V, bà Hồng Vy mặc dù không có yêu cầu độc lập nhưng không khước từ di sản nên phải chia cho các đương sự này hưởng kỷ phần thừa kế của bà H tương ứng là 1.931.306.800đ, mỗi người được hưởng là: 1.931.306.800đ : 4 = 482.826.700đ.

Cấp sơ thẩm không chia thừa kế cho chồng và các con bà H là thiếu sót. Vì vậy sửa án sơ thẩm như nhận định trên.

[3]- Đối với kháng cáo yêu cầu giao cho ông Như Phong quản lý kỷ phần thừa kế của Ông Nguyễn Như N, Bà Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị T là các đương sự hiện đang sống ở nước ngoài:

Theo nội dung các giấy ủy quyền của ông N, bà T, bà T thì ông P được quyền đại diện, thay mặt các ông bà này thực hiện các thủ tục thi hành án, nhận tài sản được thi hành án theo bản án.

Căn cứ nội dung ủy quyền trên thì phải giao cho ông P quản lý kỷ phần thừa kế của ông N, bà T, bà T mới đúng theo yêu cầu của các đương sự này và thuận lợi trong việc thi hành án, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của họ. Cấp sơ thẩm tạm giao cho ông T quản lý kỷ phần của ông N, bà T, bà T khi không có ủy quyền của họ là không đảm bảo quyền lợi của các đương sự này.

Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của ông P về nội dung này, sửa án sơ thẩm theo nhận định trên. Buộc ông T giao cho Ông Nguyễn Lê Như P 5.793.920.400đ là kỷ phần thừa kế của ông N, bà T, bà T cho ông P quản lý.

[6]- Về án phí có giá ngạch: Sửa án sơ thẩm, buộc các thừa kế được chia và ông T phải chịu án phí tính trên kỷ phần được chia, cụ thể:

- Ông T phải chịu 42.349.000đ án phí đối với số tiền ông được hưởng về công sức quản lý di sản.

Giá trị di sản để chia (sau khi trừ chi phí công sức quản lý cho ông T) là 21.244.375.000đ. Án phí các thừa kế của cụ V và cụ T phải chịu tổng cộng là 129.244.000đ, có 11 kỷ phần thừa kế, mỗi kỷ phần phải chịu 11.749.455đ án phí.

- Các ông bà: Nguyễn Thị B, Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Như M, Bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Như H, Ông Nguyễn Như C, Ông Nguyễn Như N, Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Mộng T mỗi người phải chịu 11.749.455đ án phí có giá ngạch.

Các thừa kế của bà H gồm ông H, Ông Nguyễn Huy P, ông V, bà Hồng Vy cùng phải nộp án phí là 11.749.455đ, mỗi người phải nộp là 2.937.363đ.

Các thừa kế của ông Nguyễn Như A gồm Nguyễn Thị Như Q, Nguyễn Như Ngọc H, Nguyễn Như Ngọc T, Nguyễn Lê Như S, Nguyễn Như Ngọc Q, Nguyễn Lê Như T và Ông Nguyễn Lê Như P cùng phải chịu án phí là 11.749.455đ, mỗi người phải nộp là 1.678.493đ án phí có giá ngạch.

Ông T có nghĩa vụ nộp thay tiền án phí cho các ông Bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Như M, Nguyễn Thị T, Nguyễn Như H, Nguyễn Như C, Nguyễn Thị

Mộng T, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Huy Phong, Nguyễn Huy Vũ, Bà Nguyễn Thị Hồng V, tổng cộng là 82.246.182đ. Ông T có quyền yêu cầu các đương sự này hoàn trả tiền án phí cho mình sau khi ông T đã nộp án phí thay cho các đương sự này.

Ông P có nghĩa vụ nộp thay tiền án phí cho Ông Nguyễn Như N, Bà Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị T và các thừa kế của ông Anh là Bà Nguyễn Thị Như Q, Nguyễn Như Ngọc H, Nguyễn Như Ngọc T, Nguyễn Lê Như S, Nguyễn Như Ngọc Q, Nguyễn Lê Như T, cộng với tiền án phí của Ông Nguyễn Lê Như P, tổng cộng Ông Nguyễn Lê Như P phải nộp là 46.997.818đ án phí. Ông P có quyền yêu cầu các đương sự này hoàn trả tiền án phí cho mình sau khi ông P đã nộp án phí thay cho các đương sự này.

Các nội dung khác của án sơ thẩm tại phiên tòa hôm nay ông P không yêu cầu xem xét mặt dù ông kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm nên giữ nguyên.

3- Án phí phúc thẩm: Ông P không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I- Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Lê Như P về yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất 63,1m^2 tọa lạc tại số 328 đường T, Phường 6, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng liên quan đến yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mộng T và đình chỉ yêu cầu kháng cáo về yêu cầu xem xét lại công sức tôn tạo, giữ gìn di sản sản của ông Nguyễn Như Quang T. Phần quyết định của bản án sơ thẩm về hai nội dung này có hiệu lực pháp luật.

II- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Nguyễn Lê Như P; sửa một phần quyết định Bản án sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng như sau:

- Căn cứ 634, điểm a khoản 1 Điều 676, 677, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các khoản 2 Điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Lê Như P về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế" đối với Ông Nguyễn Như H.

2- Xác định hàng thừa kế:

2.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Thị T và cụ Nguyễn Như V là: Bà Nguyễn Thị B, Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Như M, Bà Nguyễn Thị T,

Ông Nguyễn Như H, Ông Nguyễn Như C, Ông Nguyễn Như N, Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Mộng T, ông Nguyễn Như A, bà Nguyễn Thị H.

2.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị H là: Ông Nguyễn Văn H, Ông Nguyễn Huy P, Ông Nguyễn Huy V, Bà Nguyễn Thị Hồng V.

2.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Như A, bà Nguyễn Thị Muôn (vợ ông Anh) là: Bà Nguyễn Thị Như Q, Ông Nguyễn Lê Như P, Bà Nguyễn Như Ngọc H, Bà Nguyễn Như Ngọc T, Ông Nguyễn Lê Như S, Bà Nguyễn Như Ngọc Q, Ông Nguyễn Lê Như T.

3- Xác định di sản của cụ Nguyễn Như V, cụ Bùi Thị T là: Lô đất có diện tích 107,48m^2 theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà đất số 5723/NĐ/XD do Sở xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/1989 cho cụ Nguyễn Như V, cụ Bùi Thị T; theo kết quả đo vẽ thực tế là 164m^2, trong đó có 18m^2 đất thuộc lộ giới đường T, Phường 6, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng (vị trí số 02 trên họa đồ), thuộc thửa 15, tờ bản đồ 15 tọa lạc tại số 328 (114 cũ), đường T, Phường 6, thành phố L là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Như V, cụ Bùi Thị T để lại, có giá trị là 22.256.011.900đ.

4- Chia cho ông Nguyễn Như Quang T công sức quản lý, giữ gìn di sản tương ứng với ½ giá trị một kỷ phần thừa kế là 1.011.636.900đ (một tỷ không trăm mười một triệu sáu trăm ba sáu ngán chín trăm đồng).

5- Giá trị di sản còn lại để chia thừa kế (sau khi trừ công sức quản lý di sản của ông T) là 21.244.375.000đ.

Giá trị của một kỷ phần thừa kế mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ V, cụ T được hưởng là: 1.931.306.800đ.

Xác định của một kỷ phần mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng ông Nguyễn Như A, bà Nguyễn Thị M được hưởng là 275.900.900đ.

Xác định một kỷ phần thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị H được hưởng là: 482.826.700đ.

6- Ông Nguyễn Như Quang T được quyền sử dụng lô đất có diện tích 146m^2 thuộc thửa 15, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại số 328 (114 cũ), đường T, Phường 6, thành phố L và quản lý, sở hữu, sử dụng căn nhà có diện tích 102,5m^2, diện tích sử dụng là 322,2m^2 tọa lạc trên lô đất này theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà đất số 5723/NĐ/XD do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/1989 cho cụ Nguyễn Như V, cụ Bùi Thị T tại số 328 (114 cũ), đường T, Phường 6, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng (thuộc vị trí số 1 và số 2 trên họa đồ).

Tạm giao cho ông Nguyễn Như Quang T quản lý, sử dụng lô đất thuộc lộ giới giáp đường Hai Bà Trưng có diện tích 18m^2 (thuộc vị trí số 1, số 2 trên họa đồ), thuộc thửa 15, tờ bản đồ, tọa lạc tại số 328 (114 cũ), đường T, Phường 6, thành phố

L; khi nhà nước có chủ trương thu hồi thì phải thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.

Ông Nguyễn Như Quang T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động, kê khai, cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà, Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất toàn bộ lô đất có diện tích 146m^2 thuộc một phần thửa 15, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại đường T, Phường 6, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng nói trên.

Đất có vị trí tại phần ký hiệu số 1 và số 2 theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ thực hiện ngày 21/01/2021, chỉnh sửa ngày 26/8/2021, (*kèm theo bản án*).

7- Buộc ông Nguyễn Như Quang T thanh toán số tiền 1.931.306.800đ là kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Như A cho các thừa kế của ông Anh gồm: Ông Nguyễn Lê Như P, Bà Nguyễn Thị Như Q, Bà Nguyễn Như Ngọc H, Bà Nguyễn Như Ngọc T, Ông Nguyễn Lê Như S, Bà Nguyễn Như Ngọc Q, Ông Nguyễn Lê Như T, mỗi kỷ phần thừa kế là 275.900.900đ (hai trăm bảy lăm triệu chín trăm ngàn lẻ chín trăm đồng). Giao cho Ông Nguyễn Lê Như P được đại diện các thừa kế của ông Anh nhận và quản lý số tiền 1.931.306.800đ của các thừa kế này. Khi các thừa kế của ông Anh có yêu cầu thì Ông Nguyễn Lê Như P phải trả kỷ phần cho các thừa kế của ông Nguyễn Như A.

- Buộc ông Nguyễn Như Quang T thanh toán 1.931.306.800đ (một tỷ chín trăm ba mốt triệu ba trăm lẻ sáu ngàn tám trăm đồng) là kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị H cho các ông bà gồm Ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Huy Phong, Nguyễn Huy Vũ, Nguyễn Thị Hồng Vy, mỗi người được hưởng là 482.826.700đ (bốn trăm tám hai triệu tám trăm hai sáu ngàn bảy trăm đồng).

- Buộc ông Nguyễn Như Quang T thanh toán kỷ phần thừa kế cho các thừa kế của cụ V, cụ T còn lại gồm các ông bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Như N, Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Như M, Bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Như H, Ông Nguyễn Như C, bà Nguyễn Thị Mộng T mỗi kỷ phần là 1.931.306.800đ (một tỷ chín trăm ba mốt triệu ba trăm lẻ sáu ngàn tám trăm đồng).

Giao cho ông T được quản lý kỷ phần thừa kế của Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Như M, Bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Như H, Ông Nguyễn Như C, bà Nguyễn Thị Mộng T và các thừa kế của bà H gồm Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Huy Phong, Nguyễn Huy Vũ, Nguyễn Thị Hồng Vy.

Giao cho Ông Nguyễn Lê Như P được nhận và quản lý kỷ phần thừa kế của các ông Bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Như N. Buộc ông Nguyễn Như Quang T giao cho Ông Nguyễn Lê Như P tổng số kỷ phần thừa kế của Bà Nguyễn

Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Như N là 5.793.920.400đ (năm tỷ bảy trăm chín ba triệu chín trăm hai mươi ngàn bốn trăm đồng) để ông P quản lý.

Khi các đồng thừa kế trên có yêu cầu thì Ông Nguyễn Lê Như P và ông T có nghĩa vụ giao lại kỷ phần thừa kế cho các thừa kế trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8- Về án phí có giá ngạch:

- Ông T phải chịu 42.349.000đ án phí đối với số tiền ông được hưởng về công sức quản lý di sản.

- Các ông bà: Nguyễn Thị B, Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Như M, Bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Như H, Ông Nguyễn Như C, Ông Nguyễn Như N, Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Mộng T mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch là 11.550.278đ.

- Các thừa kế của bà H gồm ông H, Ông Nguyễn Huy P, ông V, bà Hồng Vy cùng phải nộp án phí là 11.550.278đ, mỗi người phải nộp là 2.887.569đ.

- Các thừa kế của ông Nguyễn Như A gồm Nguyễn Thị Như Q, Nguyễn Như Ngọc H, Nguyễn Như Ngọc T, Nguyễn Lê Như S, Nguyễn Như Ngọc Q, Nguyễn Lê Như T và Ông Nguyễn Lê Như P cùng phải chịu án phí là 11.550.278đ, mỗi người phải nộp là 1.650.039đ.

- Ông T có trách nhiệm nộp tiền án phí thay cho các ông Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Như M, Bà Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Như H, Ông Nguyễn Như C, bà Nguyễn Thị Mộng T, Ông Nguyễn Văn H, Ông Nguyễn Huy P, Ông Nguyễn Huy V, Bà Nguyễn Thị Hồng V. Tổng cộng án phí ông T phải nộp là: 123.200.946đ. Được trừ 12.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006770 ngày 01/6/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông T còn phải nộp 111.200.946đ (một trăm mười một triệu hai trăm ngàn chín trăm bốn sáu đồng).

Ông T có quyền yêu cầu các đương sự trên hoàn trả tiền án phí cho mình sau khi ông T đã nộp án phí thay cho các đương sự này.

Ông Nguyễn Lê Như P có trách nhiệm nộp tiền án phí thay cho Ông Nguyễn Như N, Bà Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Như Q, Nguyễn Như Ngọc H, Nguyễn Như Ngọc T, Nguyễn Lê Như S, Nguyễn Như Ngọc Q, Nguyễn Lê Như T. Tổng cộng án phí Ông Nguyễn Lê Như P phải nộp là: 46.201.114đ. Được trừ 36.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005114 ngày 11/11/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông P còn phải nộp 10.201.114đ. Ông P có quyền yêu cầu các đương sự này hoàn trả tiền án phí cho mình sau khi ông P đã nộp án phí thay cho các đương sự này.

Ông Nguyễn Như H phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 11.400.000đ tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/00054264 ngày 08/02/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông H được nhận lại số tiền 11.100.000đ án phí còn thừa.

Ông Nguyễn Như C phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 11.400.000đ tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005426 ngày 23/2/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông H được nhận lại số tiền 11.100.000đ án phí còn thừa.

Bà Nguyễn Thị Mộng T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của mình. Bà Thúy được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006786 ngày 17/6/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

9- Về án phí phúc thẩm: Ông P không phải chịu. Hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 8702 ngày 05/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1),VP(3) (07);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng